

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH E

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **81**/2019/HNGĐ-ST

Ngày 24-10-2019

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH E

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Phú Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Phương;

2. Ông Nguyễn Văn Thả.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh E.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh E tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quốc – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 610/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Ngọc A, sinh năm 1975.

- *Bị đơn:* Anh Cao Văn B, sinh năm 1957.

Cùng nơi cư trú: Tổ 11, ấp 4, xã C, huyện D, tỉnh E.

Anh B có mặt, chị A có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 8 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc A trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh B tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện D, tỉnh E vào năm 2011. Cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh B khi cưới nhau từ năm 2006 cho đến nay không hạnh phúc,

vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau thường xuyên. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị và anh **B** bất đồng quan điểm, không thống nhất được ý kiến khi giải quyết chuyện gia đình chuyện tiền bạc, cách nuôi dạy con, anh **B** thường xuyên uống rượu, mặc dù chị khuyên nhiều lần nhưng anh **B** vẫn không thay đổi. Việc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chị có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, trong khoảng năm 2016-2018 chị có nộp đơn khởi kiện xin ly hôn anh **B** nhưng sau đó rút đơn trở lại. Tuy nhiên kể từ ngày rút đơn khởi kiện cho đến nay mâu thuẫn giữa chị và anh **B** vẫn còn tồn tại và ngày càng trầm trọng. Do đó chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Cao Văn **B**.

- Về con chung: Chị và anh **B** chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Cao Huỳnh Mỹ Yên, sinh ngày 21/7/2007. Nếu chị và anh **B** ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu Yên và không yêu cầu anh **B** cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Cao Văn **B** trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị A về quá trình hôn nhân giữa anh và chị A, cũng như việc anh và chị A có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau trong vài năm trở lại đây. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm khi giải quyết chuyện gia đình, anh cũng hay uống rượu, chị A không đồng ý nên cãi nhau. Tuy nhiên do anh vẫn còn yêu thương chị A nên anh không đồng ý ly hôn với chị A.

- Về con chung: Anh và chị A chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Cao Huỳnh Mỹ Yên, sinh ngày 21/7/2007. Nếu anh và chị A ly hôn thì anh đồng ý để chị A nuôi cháu Yên và anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết, xét xử vụ án.

- Về tố tụng: Do chị Huỳnh Thị Ngọc A là nguyên đơn trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 228 Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị A.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Ngọc A và anh Cao Văn **B**.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Cao Huỳnh Mỹ Yên, sinh ngày 21/7/2007 cho chị A được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh **B** cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Huỳnh Thị Ngọc A và anh Cao Văn **B** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Huỳnh Thị Ngọc A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Do chị Huỳnh Thị Ngọc A là nguyên đơn trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 228 Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị A.

- Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ngọc A và anh Cao Văn **B** tự nguyện chung sống vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện D, tỉnh E vào năm 2011, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Ngọc A với anh Cao Văn **B** thấy rằng: Qua xác minh chính quyền địa phương nơi anh chị chung sống thể hiện trong khoảng thời gian chung sống vợ chồng thì chị A và anh **B** phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau và có xô xát; anh **B** cũng thừa nhận giữa anh và chị A cũng phát sinh mâu thuẫn trong thời gian vài năm trở lại đây dẫn đến việc chị A nộp đơn khởi kiện xin ly hôn anh **B** tại tòa án nhưng sau đó rút đơn khởi kiện trở lại để vợ chồng có thời gian giải quyết các mâu thuẫn còn tồn tại và cùng chung sống nuôi dạy con chung. Tuy nhiên kể từ ngày rút đơn khởi kiện cho đến nay mâu thuẫn vợ chồng anh chị vẫn tồn tại và trầm trọng hơn. Từ những tình tiết nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn của chị A, anh **B** đã đi đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy việc chị A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh **B** là có căn cứ chấp nhận, việc anh **B** yêu cầu được đoàn tụ vợ chồng với chị A là không có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Xét thấy chị A và anh **B** thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng anh, chị có 01 con chung là cháu Cao Huỳnh Mỹ Yên, sinh ngày 21/7/2007. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh **B**, chị A thống nhất khi ly hôn sẽ giao cháu Cao Huỳnh Mỹ Yên cho chị A được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ý kiến của anh **B**, chị A là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu

Cao Huỳnh Mỹ Yên và cũng phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Sau khi ly hôn anh Cao Văn **B** có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị Ngọc A và anh Cao Văn **B** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Ngọc A phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 228, 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Ngọc A và anh Cao Văn **B**. Chị Huỳnh Thị Ngọc A được ly hôn với anh Cao Văn **B**.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Cao Huỳnh Mỹ Yên, sinh ngày 21/7/2007 cho chị Huỳnh Thị Ngọc A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ghi nhận chị A không có yêu cầu anh Cao Văn **B** cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Cao Văn **B** có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Chị Huỳnh Thị Ngọc A và anh Cao Văn **B** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Ngọc A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị A đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số **0015793** ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh E. Chị A đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Báo cho anh Cao Văn **B** biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh E để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Huỳnh Thị Ngọc A được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh E để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh E;
- VKSND tỉnh E;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA DS huyện D;
- UBND xã C, huyện D, tỉnh E;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (S).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Phú Sang